

Số: /TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025

Căn cứ Thông báo số 590/TB-ĐHGTVT ngày 05/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025.

Trường Đại học Giao thông vận tải thông báo:

1. Số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025 (Danh sách kèm theo):

- Tại Hà Nội: + Thi tuyển: 39 thí sinh;
+ Xét tuyển: 45 thí sinh.
- Phân hiệu tại TP.HCM: + Thi tuyển: 08 thí sinh;
+ Xét tuyển: 03 thí sinh.

2. Nếu thông tin của thí sinh trong danh sách chưa chính xác, thí sinh liên hệ để đính chính:

- Tại Hà Nội: Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, điện thoại **024.37606352**;
- Phân hiệu tại TP.HCM: Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, điện thoại **028.38962819**.

3. Các mốc thời gian cần lưu ý:

- Xét tuyển ngày 02-03/12/2025, dự kiến công bố kết quả ngày 04/12/2025;
- Thi tuyển ngày 06/12/2025, dự kiến công bố kết quả ngày 15/12/2025./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các thí sinh (để th/h);
- Lưu: HCTH, KT&KĐCLĐT (3).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Lê Hoài Đức

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số

/TB-ĐHGTVT ngày

/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

TT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký xét tuyển	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp trình độ đại học	Trình độ Ngoại ngữ
I. Tại Hà Nội:							
1	001098000847	Nguyễn Duy Anh	26/12/1998	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
2	001202027055	Nguyễn Minh Bách	25/02/2022	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	001200033330	Đỗ Lê Thành Đạt	21/05/2000	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
4	001203029232	Lê Bùi Trường Giang	17/07/2003	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
5	001202031270	Đặng Mạnh Hiếu	12/12/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
6	034202010432	Đinh Anh Tiến	05/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
7	036202010584	Trần Xuân Tiến	01/09/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
8	036202001261	Hoàng Minh Tuấn	17/10/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
9	008202002529	Phạm Thành Tuyên	23/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
10	001200035349	Phạm Văn Đàn	08/07/2000	Nam	Kỹ thuật cơ khí động lực	Kỹ thuật cơ khí	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
11	035196002022	Nguyễn Thị Mai	16/12/1996	Nữ	Kỹ thuật cơ khí động lực	Kỹ thuật cơ khí	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
12	022202002564	Nguyễn Văn Chương	23/08/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
13	001202021734	Lê Đức Huy	01/11/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
14	034097006904	Phan Trung Kiên	07/11/1997	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
15	040099006594	Đậu Ngọc Hoàng An	29/03/1999	Nam	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật cơ khí/ Cơ khí ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
16	001202035370	Nguyễn Hải Đăng	09/11/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
17	001202026223	Đỗ Văn Huy	14/03/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
18	001202019741	Đỗ Hồng Quân	23/12/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật cơ khí/ Cơ khí ô tô Việt - Anh	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
19	045201006179	Trần Nguyễn Tiến	31/10/2001	Nam	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
20	025202005298	Tạ Như Thuần	27/05/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
21	001202002030	Khuất Hùng Cường	03/02/2002	Nam	Kỹ thuật viễn thông	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
22	001202014901	Vương Trí Hào	12/06/2002	Nam	Kỹ thuật viễn thông	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
23	030202006733	Vũ Hồng Minh	25/12/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
24	034202005746	Đinh Văn Độ	12/10/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
25	026202002553	Nguyễn Đình Hiếu	07/11/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

TT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký xét tuyển	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp trình độ đại học	Trình độ Ngoại ngữ
26	030202002644	Triệu Xuân Phú	05/10/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
27	033202003772	Đặng Công Quân	19/04/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
28	001202021551	Đoàn Thanh Sơn	28/02/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
29	001303042901	Lê Thị Minh Châu	11/04/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	Kinh tế	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
30	036303000759	Đỗ Thị Trà My	13/01/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	Kinh tế	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
31	033303006561	Nguyễn Thị Úy Thương	01/03/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	Kinh tế	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
32	037202000298	Trần Minh Quang	12/10/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
33	001203031957	Nguyễn Đức Ân	04/07/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
34	001203014240	Nguyễn Đức Long	25/11/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
35	034303008065	Nguyễn Thị Thanh Mai	24/11/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
36	001203003708	Dương Gia Bách	25/08/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
37	045099000212	Nguyễn Quang Hào	06/11/1999	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
38	001203030789	Đoàn Việt Hưng	16/09/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
39	001203026071	Hoàng Gia Khánh	09/10/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Khai thác vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
40	001203010989	Phạm Quốc Khánh	29/07/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
41	036303001428	Vũ Thị Hiền Lương	04/08/2003	Nữ	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
42	024099006357	Dương Quang Sỹ	07/04/1999	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
43	025202007639	Nguyễn Công Thành	15/12/2002	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
44	038303023526	Trần Thị Trang	01/03/2003	Nữ	Tổ chức và quản lý vận tải	Khai thác vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
45	036302009319	Triệu Thùy Trang	30/10/2002	Nữ	Tổ chức và quản lý vận tải	Khai thác vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
II. Phân hiệu tại TP.HCM:							
1	052302008714	Đoàn Thị Uyên	01/05/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
2	049302009498	Thái Thị Minh Duyên	10/01/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	052302002751	Nguyễn Lê Bích Hậu	06/08/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Lê Hoài Đức

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHGTVT ngày /11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

TT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký dự thi	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp trình độ đại học	Trình độ Ngoại ngữ
I. Tại Hà Nội:							
1	034202003042	Trần Ngọc Cương	26/04/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Toán ứng dụng/ Toán tin ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
2	004201005407	Nông Văn Hùng	24/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	042085002342	Nguyễn Ngọc Sáng	18/09/1985	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
4	001094004872	Nguyễn Hữu Toàn	26/11/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
5	001201009506	Nguyễn Quang Kỳ	08/01/2001	Nam	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật cơ điện tử	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
6	038096011673	Nguyễn Tuấn Dương	04/12/1996	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
7	038202008694	Lương Sỹ Hoàng Anh	20/11/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
8	026099002252	Nguyễn Tuấn Thành	06/09/1999	Nam	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật cơ khí/ Cơ khí ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
9	036201003862	Mai Khả Tuấn	05/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
10	035201003131	Lê Hoàng Tuấn Anh	14/05/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
11	040098002740	Nguyễn Việt Hà	31/08/1998	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
12	031201007946	Nguyễn Công Hải	23/11/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
13	001098026134	Chữ Đại Hiệp	05/12/1998	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	CNKT GT/ CNKT XD Đường sắt và Metro	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
14	001200006290	Phùng Công Khoa	23/02/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
15	026094000832	Ngô Mạnh Lân	28/09/1994	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
16	001193037375	An Thị Thùy Trang	30/09/1993	Nữ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	CNKT Vật liệu xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
17	001089034833	Trần Anh Nguyên	02/06/1989	Nam	Quản lý kinh tế	Kinh tế thương mại quốc tế	TNNDH tại Trung Quốc
18	034301003274	Tạ Thu An	16/09/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
19	001202024163	Lương Văn An	27/01/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
20	001093041960	Lê Quý An	31/10/1993	Nam	Quản lý xây dựng	Kinh tế xây dựng	TNNDH ngành NN Anh
21	038099020474	Phạm Văn Đoàn	11/11/1999	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

TT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký dự thi	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp trình độ đại học	Trình độ Ngoại ngữ
22	001201009573	Phạm Trung Hiếu	08/06/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)
23	024202014291	Trịnh Quốc Hưng	18/08/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
24	040202003155	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
25	026201007599	Đỗ Bá Tùng Lâm	07/06/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
26	001203034737	Lê Anh Nhật	17/08/2003	Nam	Quản lý xây dựng	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
27	036202002292	Phạm Anh Quân	22/09/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
28	002301000899	Lý Hương Quỳnh	28/12/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
29	001200032760	Trần Minh Tuấn	21/10/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
30	037200002842	Lâm Thanh Tùng	02/09/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
31	035093003762	Trần Tiến Thùy	12/04/1993	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Nhật N3
32	035200000694	Nguyễn Văn Thường	07/05/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
33	015301000031	Hứa Thùy Trang	26/10/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
34	001202008981	Nguyễn Văn Việt	07/08/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
35	001303016508	Nguyễn Phương Anh	25/11/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
36	001075024164	Tạ Vũ Ngọc Hà	16/01/1975	Nam	Quản trị kinh doanh	Công nghệ thông tin; Kế toán (VB2)	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
37	001301004633	Trần Phi Yến	05/07/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
38	001203011571	Đỗ Hoàng Duy Anh	27/11/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
39	001203029305	Trần Văn Hiếu	24/10/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
II. Phân hiệu tại TP.HCM:							
1	068098005254	Nguyễn Lê Hữu Đạt	23/10/1998	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
2	062198005782	Nguyễn Thị Phương Lan	10/08/1998	Nữ	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
3	036072022947	Nguyễn Ngọc Huy	30/04/1972	Nam	Quản lý xây dựng	Xây dựng cầu đường	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
4	075201012630	Nguyễn Tỷ Tiên	03/09/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
5	051302006646	Nguyễn Thị Linh Nhi	18/10/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
6	079202005411	Phạm Trần Phú	18/04/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

TT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đăng ký dự thi	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp trình độ đại học	Trình độ Ngoại ngữ
7	054202003029	Lưu Nhật Toàn	01/12/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
8	077098005464	Võ Phan Sang	23/12/1998	Nam	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hoài Đức